**TÒA ÁN NHÂN DÂN**
**THÀNH PHỐ QUY NHƠN**
**TỈNH BÌNH ĐỊNH**

Bản án số: 1040/2018/HNGĐ-ST
Ngày: 15/10/2018
*V/v tranh chấp Ly hôn, nuôi con chung*

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**NHÂN DANH**
**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ QUY NHƠN**

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có***:

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa*: Bà Đoàn Thị Xuân Hương

*Hội thẩm nhân dân*:

1. Bà Cao Thị chính

2. Bà Trần Thị Bích Hợp

- *Thư ký phiên tòa*: Ông Đỗ Quang Trí là Thư ký Tòa án

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Quy Nhơn tham gia phiên toà:* Ông Nguyễn Quang Lâm- Kiểm sát viên.

Ngày 03 tháng 10 năm 2018, tại Tòa án nhân dân thành phố Quy Nhơn, tỉnh Bình Định xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 832/2018/TLST-HNGĐ ngày 16 tháng 8 năm 2018 về tranh chấp Ly hôn, nuôi con chung. Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 124/2018/QĐXX-ST ngày19 tháng 9 năm 2018 và Quyết định hoãn phiên tòa số 90/2018/QĐST-HNGĐ ngày 03 thang 10 năm 2018 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị L, sinh năm 1990.
Địa chỉ: Tổ 5, khu vực 1, phường N, TP.Q.
2. Bị đơn: Anh Nguyễn Văn L, sinh năm 1979.
Địa chỉ: Tổ 46, khu vực 9, phường H, TP. Q.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

** Theo đơn khởi kiện ngày 14 tháng 8 năm 2018 và các lời khai tiếp theo nguyên đơn chị Nguyễn Thị L trình bày:*

Chị và anh Nguyên Văn L tự nguyện đăng ký kết hôn tại UBND phường N, TP. Q, tỉnh B vào ngày 16/12/2008. Sau khi kết hôn, vợ chồng sống hạnh phúc đến năm 2017 phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do anh L thiếu trách nhiệm với gia đình, không lo làm ăn, chị đã nhiều lần khuyên ngăn nhưng anh L vẫn không nghe. Vợ chồng sống ly thân từ tháng 6/2018 đến nay. Nay, tình cảm vợ chồng không còn, mạnh ai nấy sống nên chị yêu cầu được ly hôn với anh L.

- Về con chung: Vợ chồng có hai con chung tên Nguyễn Văn V, sinh ngày 03/9/2008 và Nguyễn Văn L, sinh ngày 22/01/2011. Hiện nay, các con đang ở với

anh L, sức khỏe bình thường. Ly hôn, giao hai con cho anh L nuôi dưỡng, chị xin không cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung: Vợ chồng tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa giải quyết.

** Tại biên bản lấy lời khai ngày 23/8/2018 và các lời khai tiếp theo anh Nguyễn Văn L trình bày*: Anh thống nhất về thời gian, điều kiện kết hôn và nguyên nhân mâu thuẫn như chị L trình bày là đúng nhưng anh sẽ cố gắng thay đổi. Anh vẫn còn yêu thương vợ, con nên không đồng ý ly hôn.

- Về con chung: Anh thống nhất về con chung như chị L trình bày. Vợ chồng có hai con chung Nguyễn Văn V, sinh ngày 03/9/2008 và Nguyễn Văn L, sinh ngày 22/01/2011. Ly hôn, anh xin được nuôi hai con, không yêu cầu chị L cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung: Vợ chồng tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa giải quyết.

Tại phiên tòa sơ thẩm, đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Quy Nhơn phát biểu việc tuân theo pháp luật tố tuận dân sự, kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án:

- Thẩm phán đã thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm xét xử sơ thẩm. Tại phiên tòa sơ thẩm, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa tuân thủ đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

Việc chấp hành pháp luật của những người tham gia tố tụng dân sự: Nguyên đơn chị Nguyễn Thị L đã thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ theo quy định định tại Điều 70, 71 của Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn anh Nguyễn Văn L không thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ theo quy định tại Điều 70, 72 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về quan điểm giải quyết vụ án: Áp dụng Điều 51, 56 Luật Hôn nhân và gia đình.

Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu của chị Nguyễn Thị L xin ly hôn anh Nguyễn Văn L.

Về con chung: Chị L và anh L thống nhất có 02 con chung tên Nguyễn Văn V, sinh ngày 03/9/2008 và Nguyễn Văn L, sinh ngày 22/01/2011. Chị L và anh L thỏa thuận giao hai con cho anh L nuôi dưỡng, chị L không cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Chị L và anh L không yêu cầu giải quyết.

Về án phí: Chị L phải chịu 300.000 đồng án phí HNGĐ-ST.

## NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Tại phiên tòa hôm nay mặc dù đã được triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng anh Nguyễn Văn L vẫn vắng mặt không có lý do. Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn.

[2] Về nội dung: Chị L và anh Nguyên Văn L tự nguyện đăng ký kết hôn tại UBND phường N, TP. Q, tỉnh B vào ngày 16/12/2008, đây là hôn nhân hợp pháp.

Sau khi kết hôn, chị L, anh L sống hạnh phúc đến năm 2017 phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân theo chị L trình bày là do anh L sống thiếu trách nhiệm với gia đình, không lo làm ăn, chị đã nhiều lần khuyên ngăn nhưng không được. Vợ chồng đã sống ly thân từ tháng 6/2018 đến nay. Chị không còn tình cảm với anh L, yêu cầu được ly hôn với anh L. Còn anh L không đồng ý ly hôn, anh cho rằng vẫn còn tình cảm với chị L nhưng Tòa triệu tập đến tham gia phiên hòa giải lần thứ hai anh không đến. Tại phiên tòa hôm nay, mặc dù đã được triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng anh L vẫn vắng mặt, đều đó thể hiện anh L không có thiện chí hàn gắn tình cảm nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị L.

- Về con chung: Chị L và anh L thống nhất có hai con chung tên Nguyễn Văn V, sinh ngày 03/9/2008 và Nguyễn Văn L, sinh ngày 22/01/2011. Chị L và anh L thỏa thuận giao hai con cho anh L nuôi dưỡng, chị L không cấp dưỡng nuôi con. Đây là sự tự nguyện thỏa thuận của đương sự nên HĐXX chấp nhận.

- Về tài sản chung: Chị L và anh L thống nhất thỏa thuận về tài sản chung không yêu cầu giải quyết.

[3] Về án phí: Căn cứ khoản 4 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự, Điều 27 Nghị quyết 326/2006/UBTVQH14 ngày 30/12/2006 của Ủy ban thường vụ Quốc hội, chị Liễu phải chịu 300.000 đồng án phí HNGĐ-ST.

[4] Ý kiến phát biểu của Kiểm sát viên tại phiên tòa là có căn cứ và phù hợp với nhận định của HĐXX nên được chấp nhận.

*Vì các lẽ trên,*

## QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 28,35,39,147, khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 51, 56, 58, 81, 82, 83 và 84 Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 27 Nghị quyết 326/2006/UBTVQH14 ngày 30/12/2006 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị L được ly hôn với anh Nguyễn Văn L.

2. Về con chung: Anh L được trực tiếp nuôi dưỡng hai con chung tên Nguyễn Văn V, sinh ngày 03/9/2008 và Nguyễn Văn L 22/01/2011. Anh L không yêu cầu cấp dưỡng.

Vì lợi ích của con, khi cần thiết hai bên đều có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc mức cấp dưỡng nuôi con.

Hai bên có quyền và nghĩa vụ trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung không bên nào được ngăn cản.

3. Về tài sản chung: Chị L và anh L không yêu cầu giải quyết.

4. Về án phí: Chị Nguyễn Thị L phải chịu 300.000 đồng án phí HNGĐ-ST. Được trừ vào 300.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số 0000190 ngày 16/8/2018 của Chi cục Thị hành án dân sự thành phố Quy Nhơn(Chị L đã nộp xong).

5. Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được niêm yết.

***Nơi nhận:***
- VKSNDTP. Quy Nhơn;
- Chi cục THADS TP. Quy Nhơn;
- UBND P. Nhơn Bình;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**
**THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

*(Đã ký)*

**Đoàn Thị Xuân Hương**